

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2024/HS-ST

Ngày 31-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lãng Đức Quang

Ông Nguyễn Hồng Diên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn M, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 002090010572, cấp ngày 09/8/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; con ông Hoàng Văn K, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1964; có vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 16/4/2023, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

2. Vũ Xuân C, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1971 tại huyện V, tỉnh Thái Bình. Nơi ĐKKTT: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang; chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 034071010418, cấp ngày 13/4/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; con ông Vũ Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1969; có 02 con, con lớn nhất (đã chết), con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 16/4/2023, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

3. Ma Văn T, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1992 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Đảng, đoàn thể: Là đảng viên, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 104-QĐ/UBKT ngày 21/4/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy B; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 002092007054, cấp ngày 04/12/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; con ông Ma Văn Q, sinh năm 1971 và bà Tăng Thị C1, sinh năm 1974; có vợ là Trần Thị G, sinh năm 1999; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 16/4/2023, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

4. Hoàng Văn K1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 002094004435, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; con ông Hoàng Văn M, sinh năm 1971 và bà Lù Thị O, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 16/4/2023, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn M*: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn T*: Bà Bùi Thị H3, sinh năm 1987 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn K1*: Bà Nguyễn Thị Lan H4, sinh năm 1987 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Tú L1, sinh năm: 1986, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Người được ông Đặng Tú L1, ủy quyền tham gia tố tụng là ông Hoàng Văn N, sinh năm 1981, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Q huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Ông Hoàng Ngọc H5, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Anh Thèn Văn Chiến, sinh năm 1999; vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn H6, sinh năm 1987; vắng mặt.

+ Ông Phượng Chàn C2, sinh năm 1987; vắng mặt.

- + Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1985; vắng mặt.
- + Ông Phùng Văn T1, sinh năm 1989; vắng mặt.
- + Ông Triệu Văn H7, sinh năm 1985; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/3/2023, tổ công tác bảo vệ rừng của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang gồm ông Nguyễn Văn N1 - trưởng Công an xã Đ; Vũ Văn H6 - cán bộ kiểm lâm phụ trách địa bàn; Phượng Chàn C2 - tổ trưởng thôn X; Phùng Văn T1 - Công an viên bán chuyên trách xã Đ và Triệu Văn H7 - tổ viên bảo vệ rừng thôn X cùng thực hiện công tác tuần tra bảo vệ rừng tại khu vực rừng phòng hộ thuộc thôn X, xã Đ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày tổ công tác phát hiện tại khu vực giáp ranh giữa thôn X, xã Đ và thôn L, xã V, huyện B có nhiều dấu vết nghi vận chuyển lâm sản. Tổ công tác tiến hành đi theo dấu vết trên, đến khoảng 17 giờ cùng ngày phát hiện 02 (hai) đối tượng gồm Hoàng Ngọc H5, sinh năm 1988 và Đỗ Văn D, sinh năm 1971 cùng trú tại thôn M, xã V, huyện B đang sử dụng 02 (hai) con trâu kéo 05 (năm) hộp gỗ (nghi là gỗ trai) có tổng khối lượng 0,39m³ (không phải ba mươi chín mét khối) tại địa phận thôn L, xã V. Sau khi phát hiện, tổ công tác đã phối hợp với Công an xã V lập biên bản ghi nhận sự việc và tạm giữ tang vật có liên quan để xác minh, giải quyết vụ việc.

Quá trình xác minh, Hoàng Văn H8 khai nhận đã mua 05 (năm) hộp gỗ trên của một người đàn ông tên Hoàng Văn M (H8 không biết họ tên đầy đủ của M) với giá 1.000.000 đồng với mục đích về làm cầu thang nhà sàn nhà mình. Căn cứ vào lời khai và đặc điểm người đàn ông H8 mô tả, công an xã Đ tiến hành xác minh người đàn ông tên M và tiến hành tuần tra, kiểm tra các khu vực rừng nghi ngờ có liên quan đến vụ việc. Đến ngày 18/3/2023, tổ công tác bảo vệ rừng xã Đ, huyện B do Nguyễn Văn N1 - trưởng công an xã Đ làm tổ trưởng cùng các thành phần trong tổ công tác xác minh tại khu vực Lô E, khoảnh 8, 12 thuộc tiểu khu C, rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý phát hiện 18 (mười tám) cây gỗ, trong đó nghi có 12 (mười hai) cây gỗ Trai, 05 (năm) cây gỗ kháo, 01 (một) cây gỗ trường (sông) bị khai thác, chặt hạ, cưa xẻ thành các hộp (tám). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc, đồng thời xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên tổ công tác đã báo cáo chính quyền địa phương, báo cáo sự việc cho Công an, Kiểm lâm huyện B xác minh, điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Qua xác minh, điều tra, xác định nội dung vụ án như sau:

Khoảng đầu tháng 03/2023 (không xác định được ngày cụ thể), Hoàng Văn M, Hoàng Văn K1, Vũ Xuân C3 Ma Văn T ăn cơm, uống rượu cùng nhau tại nhà M ở thôn T, xã V. Trong lúc ăn cơm, do biết tại khu vực rừng phòng hộ thuộc thôn X, xã Đ, giáp ranh với thôn L, xã V có nhiều cây gỗ trai nên M rủ mọi người cùng đi khai thác, chặt hạ, cưa xẻ bán lấy tiền chia nhau và được tất cả đồng ý tham gia. Đến ngày 05/3/2023 M, T, C, K1 cùng nhau mang các đồ vật, dụng cụ lên khu vực rừng phòng hộ (rừng tự nhiên) thuộc thôn X, xã Đ để khai thác gỗ,

trong đó M đem theo máy cưa xăng, dao, rìu, bát ăn cơm và rượu; C đem theo xăng, bát và gạo; T đem theo xoong, nồi và thức ăn; K1 đem theo gạo, dao. Khi đến vị trí có cây gỗ trai, M, C, T và K1 cùng nhau dựng lán trại để ở trong thời gian khai thác. Quá trình khai thác gỗ, M và C thay nhau dùng máy cưa xăng để cưa đổ các cây gỗ, còn T và K1 dùng dao đi phát cây cỏ xung quanh, làm đường để vận chuyển gỗ. Hàng ngày sau khi chặt hạ được cây gỗ, M, C, T, K1 cùng nhau cưa, xẻ cây gỗ thành từng hộp, sau đó cả bốn người lại cùng nhau về lán nấu cơm và ăn ngủ tại lán, sáng hôm sau lại tiếp tục khai thác. M, C, T, K1 cùng nhau khai thác gỗ từ ngày 05/3/2023 đến ngày 08/3/2023, cưa đổ tổng số 18 (*mười tám*) cây gỗ gồm 12 (*mười hai*) cây gỗ trai, 05 (*năm*) cây gỗ kháo và 01 (*một*) cây gỗ trường (sông), trong đó đã cưa xẻ 10 (*mười*) cây trai, 03 (*ba*) cây kháo thành các hộp gỗ, còn lại 02 (*hai*) cây trai, 02 (*hai*) cây kháo và 01 (*một*) cây trường (sông) còn nguyên vẹn thân cây. Các cây gỗ sau khi được xe thành hộp được M, C, T, K1 vận chuyển bằng sức người kéo lao xuống hai bãi tập kết cách vị trí khai thác khoảng 200m (*hai trăm mét*). Đến ngày 08/3/2023 sau khi khai thác và vận chuyển gỗ xong, do trời mưa nên M, C, T, K1 tạm dừng khai thác và đi về nhà, chờ khi nào có người mua sẽ lên rừng lấy số gỗ đã khai thác được bán lấy tiền chia nhau.

Ngày 13/3/2023, M gặp Hoàng Ngọc H5, sinh năm 1989, trú tại thôn M, xã V, huyện B, lúc này H5 hỏi M có biết ai bán gỗ không, muốn tìm mua 05 (*năm*) hộp gỗ trai để làm cầu thang lên nhà, thấy vậy M trả lời có và hẹn H5 ngày 16/3/2023 đến thôn L, xã V lấy. Ngày 14/3/2023 M rủ K1 và Thèn Văn C4, sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang cùng đi lên khu vực tập kết số gỗ đã khai thác trước đó, M cầm cưa máy cắt 05 (*năm*) đầu hộp gỗ, sau đó nhờ C4 và K1 giúp kéo 05 (*năm*) hộp gỗ trai xuống dưới rừng cách vị trí tập kết gỗ khoảng 02km và để 05 (*năm*) hộp gỗ ở bãi đất trống gần đó rồi cả ba đi về nhà. Quá trình nhờ K1 và C4, M không nói với K1, C4 về việc đưa gỗ xuống dưới rừng để bán cho Hoàng Ngọc H5. Đến ngày 16/3/2023 H5 nhờ Đỗ Văn D (*bố nuôi của H5*), sinh năm 1971, trú tại thôn M, xã V mang theo trâu đến gặp M và được M đưa đến vị trí để 05 (*năm*) hộp gỗ, tại đây, H5 trả cho M số tiền 1.000.000 đồng như đã thỏa thuận từ trước, sau đó M cầm tiền đi về, còn H5 và Đỗ Văn D sử dụng 02 (*hai*) con trâu kéo gỗ đi về nhà H5, trong đó H5 sử dụng trâu nhà mình kéo 03 (*ba*) hộp gỗ với khối lượng 0,204m³ (*không phải hai trăm linh tư mét khối*), D sử dụng trâu của mình kéo 02 (*hai*) hộp gỗ với khối lượng 0,186m³ (*không phải một trăm tám mươi sáu mét khối*). Trên đường vận chuyển về nhà đến khu vực thôn L, xã V thì bị tổ công tác tuần tra và kiểm soát, bảo vệ rừng của Ủy ban nhân dân xã Đ phát hiện và thu giữ các tang vật liên quan.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:

+ Tại vị trí 18 (*mười tám*) cây gỗ bị khai thác, chặt hạ, cưa xẻ có khối lượng quy tròn 44,292m³ (*bốn mươi bốn phẩy hai trăm chín mươi hai mét khối*), trong đó gỗ Trai lý thuộc nhóm IIA có khối lượng 14,278m³ (*mười bốn phẩy hai trăm bảy mươi tám mét khối*); gỗ kháo, trường (sông) thuộc nhóm gỗ thông thường có tổng khối lượng 30,014m³ (*ba mươi phẩy không trăm mười bốn mét khối*).

+ Tại vị trí có 05 (năm) hộp gỗ trai lý Hoàng Văn M bán cho Hoàng Ngọc H5 có khối lượng 0,39m³ (không phải ba mươi chín mét khối).

Tổng khối lượng gỗ các bị can Hoàng Ngọc M1, Vũ Xuân C, Ma Văn T và Hoàng Văn K1 khai thác và cưa xẻ đã quy tròn là 44,682m³ (bốn mươi bốn phẩy sáu trăm tám mươi hai mét khối).

Ngày 03/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 88, Trưng cầu Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc V giám định 18 (mười tám) mẫu gỗ thu giữ tại phần gốc của 18 (mười tám) cây gỗ bị khai thác.

Tại bản Kết luận giám định số 174/CNR-VP ngày 06/4/2023 của V kết luận:

"Căn cứ kết quả phân tích cấu tạo thô đại và hiển vi của 18 (mười tám) mẫu giám định, kiểm tra so sánh với cơ sở dữ liệu các loài gỗ, mẫu tham chiếu, tài liệu, kết luận có 03 (ba) chủng loại gỗ khác nhau, tên và nhóm gỗ như sau:

TT	Mẫu giám định		Tên loài gỗ	
	Ký hiệu mẫu ¹⁾	SDK ²⁾	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	1	23066-1	Kháo vàng	Machilus bonii
	10	23099-10		
	11	23066-11		
	13	23066-13		
	14	23066-14		
2	2	23066-2	Trường (Săng)	Pometia sp
3	Từ số 3 đến số 9	Từ 23066-3 đến 23066-9	Trai (trai lý)	Garcinia fagraeoides
	12	23066-12		
	Từ số 15 đến số 18	23066-15 đến 23066-18		

Loài cây gỗ Trai (*Garcinia fagraeoides*), được xếp nhóm IIA trong "Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm" ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ.

Loài cây gỗ Kháo vàng (*Machilus bonii*) và loài cây gỗ T2 (*Pometia sp*) không có tên trong "Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm" ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ và "Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ" ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ, do vậy là các loài cây gỗ thông thường.

Gỗ Kháo vàng (*Machilus bonii*) được xếp nhóm VI trong "Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước" ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ L2 (nay là Bộ N2). Gỗ T2 (*Pometia* sp) chưa được xếp nhóm, căn cứ đặc điểm cấu tạo gỗ và khối lượng riêng của gỗ nhận định, loại gỗ này tương đương một số loại gỗ được xếp nhóm VI trong bảng phân loại nêu trên

Kèm theo kết luận giám định: không".

Ngày 01/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 178, trưng cầu Chi cục Kiểm lâm tỉnh H giám định lâm sản gỗ đối với số gỗ có liên quan trong vụ án.

Tại kết luận giám định số 09-2023/KL/TCGD ngày 20/8/2023 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh kết luận:

"Căn cứ kết quả phân tích cấu tạo thô đại và hiển vi của mẫu giám định đựng trong hộp giấy, được niêm phong có chữ ký của những người liên quan và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang. Mẫu giám định được ghi số từ 01 đến 24 được đăng ký mẫu giám định của Phòng thanh tra, pháp chế- Chi cục Kiểm lâm lần lượt là 23015-24 đến 23015-47 (biên bản mở niêm phong và nhận đối tượng giám định ngày 01/08/2023), kiểm tra so sánh tính đồng nhất của 24 mẫu gỗ tiến hành giám định, so sánh với cơ sở dữ liệu các loài gỗ, mẫu tham chiếu, tài liệu, kết luận: 24 (hai mươi tư) mẫu vật gửi giám định nêu trên đồng nhất một chủng loại gỗ, tên là gỗ Trai lý.

Loài cây gỗ T3 (Trai lý), được xếp nhóm IIA trong "Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm" ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ.

Căn cứ vào khối lượng gỗ bị các bị cáo khai thác trong vụ án, ngày 16/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 43, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B định giá đối với toàn bộ khối lượng gỗ đã quy tròn là 44,682m³ (gỗ trai: 14,668m³; gỗ kháo: 29,214m³; gỗ trường: 0,8m³) bị thiệt hại trong vụ án có giá trị là bao nhiêu?

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

TT	Tên tài sản cần định giá	Thời điểm định giá	Kết luận về giá trị tài sản của Hội đồng (đồng)
1	Tài sản đang ở trên rừng		155.822.200
-	14,278m ³ Gỗ Trai lý (đã quy tròn)	Tháng 3/2023	89.951.400
-	29,214m ³ gỗ Kháo (Đã quy tròn)	Tháng 3/2023	64.270.800

-	0,8m ³ gỗ thông thường (gỗ trường (sông) (gỗ tròn)	Tháng 3/2023	1.600.000
2.	Tài sản đang tại kho vật chứng công an huyện Bắc Quang		9.750.000
-	0,39m ³ gỗ Trai lý (gỗ xẻ)	Tháng 3/2023	9.750.000
	Tổng cộng		165.572.200

(Số tiền bằng chữ: một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng)

Như vậy, tổng khối lượng gỗ 44,682m³ (bốn mươi bốn phẩy sáu trăm tám mươi hai mét khối) các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 khai thác trái phép tại khu vực rừng thuộc thôn X, xã Đ, huyện B có giá trị là 165.572.200đ (một trăm sáu mươi năm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 74/CT-VKSBQ ngày 24/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 về tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với các bị cáo Hoàng Văn Minh, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K2 bản cáo trạng. Về hình phạt đề nghị Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 232, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo M, C; áp dụng điểm d khoản 3 Điều 232, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58, khoản 2 Điều 54, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, K1. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/4/2023); xử phạt bị cáo Vũ Xuân C5 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/4/2023); xử phạt bị cáo Ma Văn T và Hoàng Văn K3 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/4/2023).

- Về hình phạt bổ sung và án phí: Các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo Hoàng Văn M, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 được miễn án phí theo quy định của pháp luật; bị cáo Vũ Xuân C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, số gỗ khai thác đã được thu hồi, do vậy, không đề nghị xử lý.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm và nhất trí với bản cáo trạng, luận tội và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn M, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, bị truy tố để đưa ra xét xử là đúng, nhằm răn đe, giáo dục kịp thời các bị cáo để các bị cáo lấy đó làm bài học trở thành người công dân tốt. Tuy nhiên. Các bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ cận nghèo, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hoàng Văn M, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo với mức thấp nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; các bị cáo M, T, K1 thuộc hộ cận nghèo, đề nghị miễn án phí cho các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, số gỗ khai thác đã được thu hồi, do vậy, không đề nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của các bị cáo là sai và vi phạm pháp luật, các bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện B trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo K1 có lý do và đã có bản bào chữa, bị cáo T và bị cáo K1 đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa; vắng mặt nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng trước đó đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 291, 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K4 phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản sự việc, Biên bản khám nghiệm hiện trường, bảng kê lâm sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định hiện trường, tài liệu thu giữ vật chứng, tài liệu giám định, kết luận giám định, tài liệu định giá tài sản, kết luận định giá tài sản, lời khai nguyên đơn dân sự, lời khai của người làm chứng, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/03/2023 đến ngày 08/03/2023, các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 đã thực hiện hành vi khai thác, chặt hạ 18 (mười tám) cây gỗ với tổng khối lượng gỗ đã quy tròn là 44,682m³ (bốn mươi bốn phẩy sáu trăm tám mươi hai mét khối) tại khu vực rừng phòng hộ (rừng tự nhiên) thuộc thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, trong đó, có 12 (mười hai) cây gỗ trại có khối lượng quy tròn là 14,668m³ (mười bốn sáu trăm sáu mươi tám mét khối); 05 (năm) cây gỗ khảo có khối lượng quy tròn là 29,214m³ (hai mươi chín phẩy hai trăm mười bốn mét khối) và 01 (một) cây gỗ trường (sông) có khối lượng quy tròn là 0,8m³ (không phẩy tám mét khối), gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền 165.572.200đ (một trăm sáu mươi năm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng). Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K5 yêu tố cấu thành tội "Vi phạm quy về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm d khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự.

[4] Điểm d khoản 3 Điều 232 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên 30 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 20 mét khối (m³) gỗ trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA..."

[5] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K6 tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm d khoản 3 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý tài nguyên rừng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ rừng tại khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên không có thủ tục, không có giấy phép kinh doanh là trái phép, nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý khai thác gỗ rừng, tại khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên không đúng với quy định của Nhà nước, tổng giá trị tài

sản gỗ rừng tại khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên mà các bị cáo khai thác là 44,682m³ có giá trị là 165.572.000 đồng. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nên cần xử lý các bị cáo bằng chế tài Luật hình sự với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép rừng tại khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất, nên thuộc vụ án đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò các bị cáo như sau:

[8] Trong vụ án này, trong lúc các bị cáo đang ăn cơm tại nhà Hoàng Văn M, M đã rủ Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K7 đi khai thác, chặt hạ, cưa xẻ gỗ bán lấy tiền chia nhau và được tất cả các bị cáo đồng ý tham gia, sau đó đến ngày 05/3/2023 các bị cáo cùng nhau mang các đồ vật, dụng cụ lên khu vực rừng phòng hộ (rừng tự nhiên). Trong đó M đem theo máy cưa xăng, dao, rìu, bát ăn cơm và rượu; C đem theo xăng, bột và gạo; T đem theo xoong, nồi và thức ăn; K1 đem theo gạo, dao. Khi đến vị trí có cây gỗ trại, M, C, T và K1 cùng nhau dựng lán trại để ở trong thời gian khai thác. Quá trình khai thác gỗ, M và C thay nhau dùng máy cưa xăng để cưa đổ các cây gỗ, còn T và K1 dùng dao đi phát cây cỏ xung quanh, làm đường để vận chuyển gỗ. Hàng ngày sau khi chặt hạ được cây gỗ, M, C, T, K1 cùng nhau cưa, xẻ cây gỗ thành từng hộp, sau đó cả bốn người lại cùng nhau về lán nấu cơm và ăn ngủ tại lán, sáng hôm sau lại tiếp tục khai thác. M, C, T, K1 cùng nhau khai thác gỗ từ ngày 05/3/2023 đến ngày 08/3/2023, sau khi khai thác và vận chuyển gỗ xong. M gặp Hoàng Ngọc H5, H5 hỏi M có biết ai bán gỗ không, H5 muốn tìm mua 05 hộp gỗ trại để làm cầu thang lên nhà, M trả lời có và hẹn H5 ngày 16/3/2023 đến thôn L, xã V lấy. Quá trình M nhờ người đưa gỗ xuống dưới rừng để bán cho Hoàng Ngọc H5, M không nói chuyển gỗ xuống dưới rừng để làm gì. H5 mua gỗ của M và trả cho M số tiền 1.000.000 đồng, sau khi bị phát hiện M đã trả lại số tiền này cho H5, việc H5 mua gỗ của M, H5 không biết nguồn gốc gỗ M bán cho H5 là do M có hành vi phạm tội mà có. Trên đường H vận chuyển gỗ về nhà, đến khu vực thôn L, xã V thì bị tổ công tác tuần tra và kiểm soát, bảo vệ rừng của Ủy ban nhân dân xã Đ phát hiện và thu giữ các tang vật liên quan. Như vậy bị cáo Hoàng Văn M2 vai trò là người thực hành và là người khởi xướng, Vũ Xuân C là người thực hành, Ma Văn T và Hoàng Văn K1 là người giúp sức. Do vậy vai trò của bị cáo Minh là cao nhất trong vụ án.

[9] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ cho các bị cáo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo M, T, K1 là người dân tộc thiểu số nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

[10] Bị cáo Hoàng Văn M giữ vai trò khởi xướng và đem cưa xẻ theo, trực tiếp thực hiện hành vi khai thác gỗ nên bị cáo M phải chịu mức hình phạt cao nhất, bị cáo C là người thực hiện hành vi khai thác gỗ cùng M nên có mức hình phạt cao hơn bị cáo K1 và bị cáo T, bị cáo T và K1 là người giúp sức nên mức hình phạt của T và K1 là như nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo T và K1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, là người giúp sức cho bị cáo M và C thực hiện hành vi phạm tội nhưng có vai trò không đáng kể. Xét thấy, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ma Văn T và Hoàng Văn K8 mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện kinh tế của các bị cáo, thấy rằng các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có việc làm ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 điều 232 Bộ luật Hình sự là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo đang bị tạm giam: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xét thấy, cần thiết tiếp tục tạm giam các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với các bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, số gỗ khai thác đã được thu hồi. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[15] Đối với 44,292m³ (*bốn mươi bốn phẩy hai trăm chín mươi hai mét khối*) gỗ đã quy tròn gồm 14,278m³ gỗ trai lý + 29,214m³ gỗ khảo + 0,8m³ gỗ trường (sông) để lại tại vị trí khai thác hiện đang giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B quản lý; 05 (*năm*) hộp gỗ trai lý có nhiều kích thước (hộp thứ nhất có kích thước dài 4,3m, rộng 24cm, dày 12cm; hộp thứ 2 có kích thước dài 4,3m, rộng 25cm, dày 10cm; hộp thứ ba có kích thước dài 1,5m, rộng 25cm, dày 17cm; hộp thứ tư có kích thước dài 1,5m, rộng 25cm, dày 16cm; hộp thứ năm có kích thước dài 1,5m, rộng 25cm, dày 10cm. Xét thấy đây là vật do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 (*một*) máy cưa xẻ nhãn hiệu Husqvarna màu đỏ đã qua sử dụng. Xét thấy đây là vật chứng dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

[16] Đối với 01 (*một*) con trâu đực màu đen còn sống, khỏe mạnh, không có dấu vết thương tích gì, khoảng 04 (*bốn*) năm tuổi, có chiều cao 1,2 (*một phẩy hai mét*), chiều dài 2,1m (*hai phẩy một mét*), kích thước vòng bụng 2,1m (*hai phẩy một mét*), sừng dài 38cm (*ba mươi tám centimet*), hiện đang tạm giao cho ông

Hoàng Ngọc H5 quản lý. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho ông Hoàng Ngọc H5;

[17] Đối với 01 (một) con trâu đực màu đen còn sống, khỏe mạnh, không có dấu vết thương tích gì, khoảng 03 (ba) năm tuổi, có chiều cao 1,15 (một phẩy mười lăm mét), chiều dài 2m (hai mét), kích thước vòng bụng 2m (hai mét), sừng dài 36cm (ba mươi sáu centimet), hiện đang tạm giao cho Đỗ Văn D quản lý. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho ông Hoàng Ngọc H5;

[18] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn M, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 đề nghị đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với Hội đồng xét xử.

[19] Đối với Hoàng Ngọc H5, quá trình điều tra, xác định: giữa H5 và bị cáo Hoàng Văn M không có mối quan hệ quen thân gì mà mới chỉ gặp nhau được hai lần. Do H5 có nhu cầu tìm mua gỗ trại về hoàn thiện cầu thang nhà sàn nên đã hỏi M và được M đồng ý tìm chỗ mua. Sau đó M đem bán 05 (năm) hộp gỗ M đã khai thác tại khu vực rừng thuộc thôn X, xã Đ cho H5 với giá 1.000.000 đồng. Khi mua gỗ, H5 không biết nguồn gốc số gỗ M bán cho mình lấy từ đâu, của ai. Quá trình khai thác gỗ, M cũng không trao đổi hay thỏa thuận gì với H5. Do đó không có căn cứ để chứng minh Hoàng Ngọc H5 đồng phạm với Hoàng Văn M về hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Đối với số gỗ H5 mua của M, trên đường vận chuyển về nhà thì bị cơ quan chức năng phát hiện là 0,39m³ (không phẩy ba mươi chín mét khối). Bản thân H5 chưa có tiền án tiền sự liên quan đến hành vi tàng trữ, vận chuyển mua bán lâm sản trái phép, đồng thời căn cứ vào khối lượng gỗ thu được, ngày 09/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Ngọc H5 về hành vi mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp là đúng quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Đối với Đỗ Văn D là người giúp H5 vận chuyển 02 (hai) hộp gỗ trại trái phép trong tổng số 05 (năm) hộp gỗ trại H5 mua của M với khối lượng quy tròn là 0.186m³ (không phẩy một trăm tám mươi sáu mét khối). Bản thân D chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi tàng trữ, vận chuyển mua bán lâm sản trái phép. Việc D vận chuyển hai hộp gỗ trên do H5 nhờ D giúp chứ không có mục đích vận chuyển gỗ để kiếm lời. Căn cứ vào nhân thân và khối lượng gỗ D vận chuyển, ngày 09/11/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đỗ Văn D về hành vi Vận chuyển lâm sản trái phép quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp là đúng quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Đối với Thèn Văn C4, quá trình điều tra, xác định: bản thân C4 không tham gia giúp sức khai thác, chặt hạ 18 (mười tám) cây gỗ cùng với M, C, T, K1. Vào ngày 14/3/2023, C4 được M rủ đi cùng để kéo giúp gỗ trên rừng cũng không

vì mục đích kiếm lời. Việc M nhờ C4 kéo gỗ ra bãi tập kết, sau đó bán lại cho Hoàng Ngọc H5, C4 không biết và không được M trao đổi bất cứ nội dung gì, đồng thời cũng không biết nguồn gốc số gỗ M nhờ mình kéo là ở đâu, của ai. Do đó không có căn cứ để chứng minh Thèn Văn C4 đồng phạm với Hoàng Văn M về hành vi Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Bản thân C4 chưa có tiền án tiền sự liên quan đến hành vi tàng trữ, vận chuyển mua bán lâm sản trái phép, đồng thời căn cứ vào khối lượng gỗ 0,39m³ (*không phải ba mươi chín mét khối*) C4 giúp M vận chuyển, ngày 9/11/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Thèn Văn C4 về hành vi Vận chuyển lâm sản trái phép quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp là đúng quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[22] Đối với trách nhiệm của các cá nhân khác: Quá trình điều tra, xác định Đức X1 là xã có địa bàn rộng, với diện tích rừng tự nhiên nguyên sinh lớn nhất trong huyện B, tỉnh Hà Giang, địa bàn xã lại giáp ranh với các xã lân cận và nhiều địa phương của tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái. Với diện tích rộng lớn, đường đi hiểm trở nên xuất hiện nhiều đối tượng lợi dụng điều kiện tự nhiên để khai thác trái phép lâm sản với thủ đoạn ngày càng tinh vi; ngoài ra số lượng cán bộ thực hiện công tác tuần tra, bảo vệ rừng còn hạn chế nên công tác quản lý, bảo vệ rừng gặp nhiều khó khăn, do vậy tình trạng khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra trên địa bàn. Tuy nhiên với chức năng nhiệm vụ được giao, tổ công tác tuần tra, kiểm soát, bảo vệ rừng của Ủy ban nhân dân xã Đ trong năm 2023 đã cố gắng tăng cường thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng khai thác rừng trái phép trên địa bàn xã. Đối với vụ việc khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép xảy ra đầu tháng 03/2023, tổ công tác tuần tra, bảo vệ rừng của xã đã trực tiếp phát hiện kịp thời, đồng thời xác minh, báo cáo Ủy ban nhân dân xã để báo cáo cơ quan cấp trên có thẩm quyền giải quyết nhanh chóng, xử lý nghiêm các đối tượng theo quy định của pháp luật. Do đó không đề cập xem xét xử lý các cá nhân liên quan về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

[23] Về án phí: Bị cáo Vũ Xuân C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo Hoàng Văn M, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 thuộc hộ cận nghèo, các bị cáo có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 232, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C;

Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 232, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58, khoản 2 Điều 54, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ma Văn T, Hoàng Văn K1;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Vũ Xuân C; căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Ma Văn T, Hoàng Văn K1.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn M, Vũ Xuân C, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/4/2023);

+ Xử phạt bị cáo Vũ Xuân C 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/4/2023);

+ Xử phạt bị cáo Ma Văn T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/4/2023);

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/4/2023).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 44,292m³ (bốn mươi bốn phẩy hai trăm chín mươi hai mét khối) gỗ đã quy tròn gồm 14,278m³ gỗ trai lý + 29,214m³ gỗ kháo + 0,8m³ gỗ trường (sông) để lại tại vị trí khai thác hiện đang giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B quản lý; 05 (năm) hộp gỗ trai lý có nhiều kích thước (hộp thứ nhất có kích thước dài 4,3m, rộng 24cm, dày 12cm; hộp thứ 2 có kích thước dài 4,3m, rộng 25cm, dày 10cm; hộp thứ ba có kích thước dài 1,5m, rộng 25cm, dày 17cm; hộp thứ tư có kích thước dài 1,5m, rộng 25cm, dày 16cm; hộp thứ năm có kích thước dài 1,5m, rộng 25cm, dày 10cm; 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna màu đỏ đã qua sử dụng;

Trả lại cho ông Hoàng Ngọc H5 01 (một) con trâu đực màu đen còn sống, khỏe mạnh, không có dấu vết thương tích gì, khoảng 04 (bốn) năm tuổi, có chiều cao 1,2 (một phẩy hai mét), chiều dài 2,1m (hai phẩy một mét), kích thước vòng bụng 2,1m (hai phẩy một mét), sừng dài 38cm (ba mươi tám centimet), hiện đang tạm giao cho ông Hoàng Ngọc H5 quản lý; trả lại cho ông Đỗ Văn D 01 (một) con trâu đực màu đen còn sống, khỏe mạnh, không có dấu vết thương tích gì, khoảng 03 (ba) năm tuổi, có chiều cao 1,15 (một phẩy mười lăm mét), chiều dài 2m (hai mét), kích thước vòng bụng 2m (hai mét), sừng dài 36cm (ba mươi sáu centimet), hiện đang tạm giao cho Đỗ Văn D quản lý;

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 26/01/2024;

biên bản làm việc về nội dung bàn giao gỗ tại hiện trường giữa cơ quan công an huyện B, H huyện B và UBND xã Đ ngày 24/3/2023; biên bản làm việc giữa Công an xã V với ông Hoàng Ngọc H5 và ông Đỗ Văn D ngày 16/3/2023).

4.Về án phí: Bị cáo Vũ Xuân C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm; các bị cáo Hoàng Văn M, Ma Văn T, Hoàng Văn K1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- TTr Huyện ủy huyện BQ;
- Hạt Kiểm lâm huyện BQ;
- UBND xã Đức Xuân, huyện BQ;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

